

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST
Ngày 04-4-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Thao

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Bùi Thị Nhàn
- Ông Phạm Văn Dung

- **Thư ký phiên toà:** Bà Đinh Thị Hường - Thư ký Toà án nhân dân quận An Dương, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:** Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở, Toà án nhân dân quận An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Hồ Thị Ch; nơi thường trú: Tổ dân phố N, phường A, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Tổ dân phố 4, phường L, quận An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Minh Đ; nơi thường trú: Tổ dân phố N, phường A, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Tổ dân phố 4, phường L, quận An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng nguyên đơn là chị Hồ Thị Ch trình bày:

Chị Ch kết hôn với anh Đ trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 28/4/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại thôn N, xã A, huyện Ân Dương (nay là tổ dân phố N, phường A, quận Hồng Bàng), thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian, sau đó giữa chị và anh Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, luôn bất đồng về quan điểm sống; vợ chồng thiếu tin tưởng lẫn nhau nên thường xảy ra mâu thuẫn. Hiện chị và anh Đ đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Ch nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng là không thể khắc phục đoàn tụ, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 03 con chung tên là Nguyễn Thị M A, sinh ngày 27/11/2003; Nguyễn Hồ Mai Ph, sinh ngày 13/02/2009 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 17/9/2014. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao 02 con chung Nguyễn Hồ Mai Ph và Nguyễn Minh H cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Con chung Nguyễn Thị M A đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Chị và anh Đ tự thỏa thuận giao nhận cho nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Minh Đ nhưng anh Đ không đến Tòa án thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do và cũng không gửi bất kỳ văn bản nào thể hiện quan điểm, yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Ch.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án không có lý do. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 28, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 39 Bộ luật Dân sự: Xử cho chị Hồ Thị Ch được ly hôn anh Nguyễn Minh Đ. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hồ Mai Ph, sinh ngày 13/02/2009 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 17/9/2014 cho chị Hồ Thị Ch nuôi dưỡng. Con chung Nguyễn Thị M A, sinh ngày 27/11/2003 đã trưởng thành, không giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

quyết. Về án phí: Chị Hồ Thị Ch phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Chị Hồ Thị Ch khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Minh Đ có nơi cư trú: Tổ dân phố 4, phường L, quận An Dương, thành phố Hải Phòng. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận An Dương, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị Ch và anh Đ vắng mặt, chị Ch có đơn đề nghị xét xử vắng mặt còn anh Đ vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Hồ Thị Ch và anh Nguyễn Minh Đ.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Ch và anh Đ tự nguyện kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 28/4/2003 nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập, thể hiện: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị Ch, anh Đ hạnh phúc thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Ch và anh Đ mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, đủ căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Ch được ly hôn anh Đ.

[4] Về con chung: Chị Ch và anh Đ có 03 con chung tên là Nguyễn Thị M A, sinh ngày 27/11/2003; Nguyễn Hồ Mai Ph, sinh ngày 13/02/2009 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 17/9/2014. Con chung Nguyễn Thị M A đã trưởng thành, chị Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn chị Ch đề nghị Tòa án giao 02 con chung Nguyễn Hồ Mai Ph và Nguyễn Minh H cho chị trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con trưởng thành; việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Đ không có quan điểm về việc nuôi con chung cũng như cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn. Căn cứ vào điều

kiện nuôi dưỡng con chung và nguyện vọng của con chung, cũng như để đảm bảo quyền lợi cho con chung chưa thành niên, xét thấy nên giao con chung Nguyễn Hồ Mai Ph, sinh ngày 13/02/2009 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 17/9/2014 cho chị Hồ Thị Ch nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Con chung Nguyễn Thị M A, sinh ngày 27/11/2003 đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Hội đồng xét xử không giải quyết, trường hợp các đương sự có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện bằng vụ việc dân sự khác.

[6] Về tài sản chung: Chị Hồ Thị Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nguyễn Minh Đ không có quan điểm về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Trường hợp các đương sự có tranh chấp về tài sản chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ việc dân sự khác.

[7] Về án phí: Chị Hồ Thị Ch phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Hồ Thị Ch và anh Nguyễn Minh Đ có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 70, 143, 147, khoản 1 Điều 227; Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Thị Ch.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Ch được ly hôn anh Nguyễn Minh Đ.

2. Về con chung: Chị Hồ Thị Ch và anh Nguyễn Minh Đ có 03 con chung tên là Nguyễn Thị M A, sinh ngày 27/11/2003; Nguyễn Hồ Mai Ph, sinh ngày 13/02/2009 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 17/9/2014. Giao 02 con chung Nguyễn Hồ Mai Ph và Nguyễn Minh H cho chị Hồ Thị Ch trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Hội đồng xét xử không giải quyết; trường hợp các đương sự có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện bằng vụ việc dân sự khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không giải quyết; trường hợp các đương sự có tranh chấp về tài sản chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ việc dân sự khác.

5. Về án phí: Chị Hồ Thị Ch phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn chị Ch đã nộp (biên lai thu tiền số 0008615 ngày 03 tháng 12 năm 2024) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương (nay là quận An Dương), thành phố Hải Phòng. Chị Hồ Thị Ch đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Hồ Thị Ch và anh Nguyễn Minh Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND quận An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận An Dương;
- UBND thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên (ĐKKH số 21/2003);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Thao

